TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 02 – 2022
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương L

Địa chỉ: Ấp 3A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn T

Địa chỉ: KhBT1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày: Chị và anh Châu Văn T quen biết nhau từ năm 2009, đến năm 2010 thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên chị và anh T ly thân. Đến nay, chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Châu Ái M (nữ) sinh ngày 13/01/2013. Từ khi sống ly thân, chị là người nuôi con chung. Vì vậy, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn là anh Châu Văn T trình bày như sau: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình dẫn đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường cự cãi, đời sống không còn hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Đến năm 2015 thì anh và chị Lh ly thân. Đối với yêu cầu được ly hôn của chị L, anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Châu Ái M (nữ) sinh ngày 13/01/2013. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L và anh T vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Phương L và anh Châu Văn T; Về con chung: Giao cháu Châu Ái M (nữ), sinh ngày 13/01/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Phương L và anh Châu Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Do chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, anh T và chị L thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết nên theo quy định tại Điều 28,

Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay, giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn trong đời sống chung mà không thể giải quyết được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối chiếu với Điều 14, điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ của chị L và anh T không làm phát sinh quyền và nghãa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

[3.2] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Châu Ái My (nữ) sinh ngày 13/01/2013, chị L và anh T thỏa thuận thống nhất giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu M, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xet xử ghi nhận.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Phương Lh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Phương L và anh Châu Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Phương L và anh Châu Văn T, giao cháu Châu Ái M (nữ) sinh ngày 13/01/2013 cho chị Trần Thị Phương L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Châu Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0011628 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị L đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chúc Linh